

Số: ~~1466~~ 2015/QĐ-UBND

Hải Phòng, ngày 06 tháng 7 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

Về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 2614/2014/QĐ-UBND ngày 27/11/2014 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành Quy chế xây dựng, quản lý và thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại thành phố Hải Phòng giai đoạn 2014-2020

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 03/12/2004;

Căn cứ Quyết định số 72/2010/QĐ-TTg ngày 15/11/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế xây dựng, quản lý và thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 171/2014/TT-BTC ngày 14/11/2014 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn cơ chế tài chính hỗ trợ từ ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình Xúc tiến thương mại quốc gia;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Tờ trình số 525/TTr-SCT ngày 14/5/2015; Báo cáo thẩm định số 14/BCTĐ-STP ngày 13/5/2015 của Sở Tư pháp,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 2614/2014/QĐ-UBND ngày 27/11/2014 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành Quy chế xây dựng, quản lý và thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại thành phố Hải Phòng giai đoạn 2014 - 2020 như sau:

1. Bổ sung Điểm b Khoản 2 Điều 9 như sau:

b) Mời đại diện cơ quan truyền thông trong và ngoài nước đến Hải Phòng để viết bài, làm phóng sự trên báo, tạp chí, truyền thanh, truyền hình, internet nhằm quảng bá cho xuất khẩu của Hải Phòng theo hợp đồng trọn gói.

2. Bổ sung Điểm a Khoản 4 Điều 9 như sau:

a) Các tổ chức xúc tiến thương mại Chính phủ và phi Chính phủ.

3. Sửa đổi, bổ sung Điểm a Khoản 1 Điều 11 như sau:



- Điểm b Khoản 4 Điều 9 của Quy chế này gồm các khoản chi sau: Chi phí giảng viên, thuê lớp học, thiết bị giảng dạy, tài liệu cho học viên, các khoản chi khác (nếu có) hoặc học phí trọn gói của khóa học;

- Khoản 6 Điều 9 của Quy chế này gồm các khoản chi phí: Thuê mặt bằng, thiết kế và dàn dựng gian hàng; dịch vụ phục vụ: điện nước, vệ sinh, an ninh, bảo vệ (nếu chưa tính trong chi phí thuê mặt bằng và gian hàng); chi phí quản lý của đơn vị tổ chức hội chợ triển lãm; trang trí chung của hội chợ triển lãm; tổ chức khai mạc, bế mạc: Giấy mời, đón tiếp, trang trí, âm thanh, ánh sáng; tổ chức hội thảo: Chi phí thuê hội trường, thiết bị; các khoản chi khác (nếu có).

Mức hỗ trợ tối đa với nội dung này là 9.000.000 đồng (chín triệu đồng)/1 doanh nghiệp tham gia.

4. Sửa đổi, bổ sung Điểm b Khoản 1 Điều 11 như sau:

- Khoản 1 Điều 9 của Quy chế này gồm các khoản chi phí: Chi phí mua tư liệu; chi phí điều tra, khảo sát và tổng hợp tư liệu; chi phí xuất bản và phát hành; các khoản chi khác (nếu có).

Mức hỗ trợ tối đa với nội dung này là 1.200.000 đồng (một triệu hai trăm nghìn đồng)/1 doanh nghiệp đăng ký và nhận thông tin;

- Điểm a Khoản 2 Điều 9 của Quy chế này gồm các khoản chi phí: Chi phí thiết kế, xây dựng kế hoạch, nội dung truyền thông; chi phí sản xuất, xuất bản và phát hành trong nước và nước ngoài để giới thiệu, quảng bá hình ảnh sản phẩm, ngành hàng và dịch vụ của Hải Phòng ra thị trường nước ngoài; Điểm b Khoản 2 Điều 9 của Quy chế này gồm các khoản chi phí theo hợp đồng trọn gói đối với sản phẩm truyền thông hoàn thành (bộ phim đã phát sóng, bài viết đã đăng).

5. Sửa đổi, bổ sung Điểm c Khoản 1 Điều 11 như sau:

- Điểm b Khoản 3 Điều 9 của Quy chế này gồm các khoản chi phí: Chi phí thuê hội trường, thiết bị, trang trí, tài liệu, biên dịch, phiên dịch, phương tiện đi lại cho chuyên gia.

Mức hỗ trợ tối đa với nội dung này là 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng)/1 đơn vị tham gia.

- Khoản 5 Điều 9 của Quy chế này gồm các khoản chi phí: Chi phí thuê mặt bằng và thiết kế, dàn dựng gian hàng; trang trí chung của gian hàng thành phố; chi phí tổ chức hội thảo: Chi phí thuê hội trường, trang thiết bị, trang trí, âm thanh, ánh sáng, biên dịch, an ninh, lễ tân, nước uống, tài liệu, diễn giả; trình diễn sản phẩm: Thuê địa điểm, thiết kế và trang trí sân khấu, âm thanh, ánh sáng, trang thiết bị, người trình diễn, người dẫn chương trình, biên dịch; công tác phí cho cán bộ tổ chức Chương trình; các khoản chi khác (nếu có).

Mức hỗ trợ tối đa với nội dung này là 150.000.000 đồng (một trăm năm

mười triệu)/1 đơn vị tham gia.

- Tuyên truyền quảng bá và mời khách đến giao dịch khi tổ chức hội chợ triển lãm quy định tại Khoản 5, Khoản 6 Điều 9 Quy chế này gồm các khoản chi phí sản xuất, phát hành giới thiệu hội chợ triển lãm và các khoản chi khác (nếu có).

Mức hỗ trợ tối đa với nội dung này là 9% chi phí tổ chức hội chợ quy định tại đoạn 2 Khoản 3 và đoạn 2 Khoản 5 Điều 1 Quyết định này.

- Khoản 7, Điều 9 của Quy chế này gồm các chi phí: 01 vé máy bay khứ hồi/01 đơn vị tham gia; tổ chức hội thảo giao thương: thuê hội trường, thiết bị, giấy mời, tài liệu, phiên dịch; tuyên truyền quảng bá, mời khách đến tham dự, giao dịch; công tác phí cho cán bộ tổ chức Chương trình.

Mức hỗ trợ tối đa đối với nội dung này không quá 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng)/01 đơn vị tham gia giao thương tại khu vực Châu Á; 45.000.000 đồng (bốn mươi lăm triệu đồng)/01 đơn vị tham gia giao thương tại các khu vực: Châu Âu, Châu Phi, Châu Úc, Bắc Mỹ, Tây Á; 75.000.000 đồng (bảy mươi lăm triệu đồng)/01 đơn vị tham gia giao thương tại khu vực Trung Mỹ, Mỹ la tinh.

6. Sửa đổi, bổ sung Điểm a Khoản 2 Điều 11 như sau:

- Khoản 4, Điều 10 của Quy chế này bao gồm các chi phí thuê mặt bằng và thiết kế, dàn dựng gian hàng; dịch vụ phục vụ: điện nước, vệ sinh, an ninh, bảo vệ (nếu chưa có trong chi phí thuê mặt bằng và gian hàng); chi phí quản lý của đơn vị tổ chức hội chợ triển lãm; trang trí chung của hội chợ triển lãm; tổ chức khai mạc, bế mạc: Giấy mời, đón tiếp, trang trí, âm thanh, ánh sáng; tổ chức hội thảo: chi phí thuê hội trường, thiết bị; chi phí tuyên truyền và quảng bá bao gồm cả trên các phương tiện thông tin đại chúng về hội chợ triển lãm. Mức hỗ trợ tối đa cho nội dung này là 10.000.000 đồng (mười triệu đồng)/1 đơn vị tham gia;

7. Sửa đổi, bổ sung Điểm b Khoản 2 Điều 11 như sau:

Khoản 5 Điều 10 của Quy chế này gồm các chi phí: chi phí vận chuyên; chi phí thuê mặt bằng và thiết kế, dàn dựng quầy hàng; dịch vụ phục vụ: điện nước, vệ sinh, an ninh, bảo vệ; trang trí chung của khu vực tổ chức hoạt động bán hàng; tổ chức khai mạc, bế mạc: giấy mời, đón tiếp, trang trí, âm thanh, ánh sáng; chi phí quản lý, nhân công phục vụ; chi phí tuyên truyền, quảng bá giới thiệu việc tổ chức hoạt động bán hàng; các khoản chi khác (nếu có). Mức hỗ trợ tối đa đối với nội dung này là 105.000.000 đồng (một trăm linh lăm triệu đồng)/1 đợt bán hàng.

8. Sửa đổi, bổ sung Điểm c Khoản 2 Điều 11 như sau:

- Khoản 1 Điều 10 của Quy chế này gồm các chi phí: Chi phí mua tư liệu; chi phí điều tra, khảo sát và tổng hợp tư liệu; chi phí xuất bản và phát hành; các

hoàn chi khác (nếu có). Mức hỗ trợ tối đa đối với nội dung này là 1.000.000 đồng (một triệu đồng)/1 đơn vị đăng ký và nhận thông tin;

- Khoản 2 Điều 10 của Quy chế này. Mức hỗ trợ tối đa đối với nội dung này là 95.000.000 đồng (chín mươi lăm triệu đồng)/1 chuyên đề tuyên truyền;

- Khoản 3 Điều 10 của Quy chế này bao gồm các chi phí: Chi phí giảng viên, thuê lớp học, thiết bị giảng dạy, tài liệu cho học viên và các khoản chi khác (nếu có) hoặc học phí trọn gói của khóa học;

9. Bổ sung nội dung Điều 15 như sau:

Sở Tài chính có trách nhiệm hướng dẫn các cơ quan việc lập, chấp hành và quyết toán kinh phí xúc tiến thương mại hàng năm của thành phố theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Quy chế này và pháp luật có liên quan khác.

Điều 2. Các nội dung khác của Quyết định số 2614/2014/QĐ-UBND ngày 27/11/2014 của Ủy ban nhân dân thành phố giữ nguyên giá trị pháp lý.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc các Sở: Công Thương, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Tư pháp; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện và Thủ trưởng các sở, ngành, đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành.

Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Bộ Công Thương;
- Cục KTVB (Bộ Tư pháp);
- TTU, TT HĐND TP;
- CT; các PCT UBND TP;
- Như Điều 3;
- CVP, các PCVP;
- CV: CN, TC, NN, ĐC;
- Lưu: VP.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ
CHỦ TỊCH**



Kê Văn Thành

PHỤ LỤC

Các văn bản dẫn chiếu thực hiện Quy chế xây dựng, quản lý và thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại thành phố Hải Phòng giai đoạn 2014 - 2020

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1466 /2015/QĐ-UBND ngày 06/7/2015
của Ủy ban nhân dân thành phố)*

1. Nội dung chi liên quan đến điều tra khảo sát áp dụng mức chi theo Thông tư số 58/2011/TT-BTC ngày 11/5/2011 của Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc điều tra thống kê;

2. Nội dung chi liên quan đến đào tạo bồi dưỡng áp dụng mức chi theo Thông tư số 139/2010/TT-BTC ngày 21/9/2010 của Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý và sử dụng kinh phí từ ngân sách nhà nước dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức;

3. Nội dung chi liên quan đến chi công tác phí cho cán bộ đi nước ngoài áp dụng mức chi theo Thông tư số 102/2012/TT-BTC ngày 21/6/2012 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí cho cán bộ, công chức nhà nước đi công tác ngắn hạn ở nước ngoài do Ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí.

4. Nội dung chi liên quan đến chi công tác phí trong nước áp dụng mức chi theo Thông tư số 97/2010/TT-BTC ngày 6/7/2010 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức các cuộc hội nghị đối với các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập.

5. Nội dung chi liên quan đến đón đoàn vào áp dụng mức chi theo quy định tại Thông tư số 01/2010/TT-BTC ngày 06/01/2010 của Bộ Tài chính qui định chế độ chi tiêu đón tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam, chi tiêu tổ chức các hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam và chi tiêu tiếp khách trong nước.

(Khi quy định tại các Thông tư dẫn chiếu trên đây thay đổi thì áp dụng theo văn bản mới)